

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các cơ sở giáo dục tiểu học, trung học cơ sở công lập trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 89/NQ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Chính phủ tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 41/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 14/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 41/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp trong các cơ sở giáo dục tiểu học, trung học cơ sở công lập thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo việc xây dựng Đề án vị trí việc làm của các cơ sở giáo dục tiểu học, trung học cơ sở công lập đúng theo nội dung Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

2. Phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm của các cơ sở giáo dục tiểu học, trung học cơ sở công lập trên cơ sở không

làm phát sinh, thay đổi tên gọi vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu và cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp quy định tại Điều 1 Quyết định này và gửi quyết định phê duyệt về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 01/01/2021.

Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm phải đảm bảo phù hợp, theo đúng quy định về nhiệm vụ, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức đã được các Bộ, ngành Trung ương quy định.

3. Phê duyệt số lượng người làm việc của các cơ sở giáo dục tiểu học, trung học cơ sở công lập theo định mức quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao hàng năm.

4. Thực hiện việc tuyển dụng, sắp xếp, bố trí, sử dụng và quản lý viên chức theo đúng vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp, hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu, cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp tương ứng với từng vị trí việc làm đã được phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp cơ quan Trung ương có ban hành văn bản mới hoặc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh liên quan đến vị trí việc làm đã được phê duyệt thì Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị đề nghị điều chỉnh vị trí việc làm theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, thủ trưởng các sở, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị căn cứ quyết định thi hành. ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, NCPC(N).



Lê Văn Hương

Phụ lục
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU VIÊN CHỨC THEO
HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC
TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ CÔNG LẬP

(Kèm theo Quyết định số: **2686**/QĐ-UBND ngày **08** tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. Danh mục vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp trong các cơ sở giáo dục tiểu học công lập

1. Danh mục vị trí việc làm

| TT | | Tên vị trí việc làm | Chức danh nghề nghiệp tương ứng | Hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu | Ghi chú |
|----|------------|---|---|--------------------------------------|---------|
| TS | TT | | | | |
| | I | Vị trí việc làm thuộc nhóm lãnh đạo, quản lý | | | |
| 1 | 1 | Hiệu trưởng | Giáo viên tiểu học | III | |
| 2 | 2 | Phó Hiệu trưởng | Giáo viên tiểu học | III | |
| | II | VTVL thuộc nhóm hoạt động nghề nghiệp | | | |
| 3 | 1 | Giáo viên | Giáo viên tiểu học | IV | |
| | III | VTVL thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ | | | |
| 4 | 1 | Thư viện, thiết bị | Thư viện viên | IV | |
| 5 | 2 | Công nghệ thông tin | Quản trị viên hệ thống | IV | |
| 6 | 3 | Y tế | Y sĩ | IV | |
| 7 | 4 | Văn thư | Văn thư trung cấp | | |
| 8 | 5 | Kế toán | Kế toán viên trung cấp | | |
| 9 | 6 | Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật | Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật | | |
| 10 | 7 | Thủ quỹ | Nhân viên | | |
| 11 | 8 | Bảo vệ | HD lao động theo ND số 68/2000/ND-CP của Chính phủ. | | |
| 12 | 9 | Vệ sinh | | | |



2. Cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp

| TT | Tên vị trí việc làm | Chức danh nghề nghiệp tương ứng | Cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp | |
|-----------|---|---------------------------------|--|-------|
| | | | Hạng chức danh nghề nghiệp tối đa | Tỷ lệ |
| I | Vị trí việc làm thuộc nhóm lãnh đạo, quản lý | | | |
| 1 | Hiệu trưởng | Giáo viên tiểu học | II | |
| 2 | Phó Hiệu trưởng | Giáo viên tiểu học | II | |
| II | VTVL thuộc nhóm hoạt động nghề nghiệp | | | |
| 1 | Giáo viên | Giáo viên tiểu học | II | 5% |
| | | | III | 15% |
| | | | IV | 80% |

II. Danh mục vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp trong các cơ sở giáo dục trung học cơ sở công lập

1. Danh mục vị trí việc làm

| TT | | Tên vị trí việc làm | Chức danh nghề nghiệp tương ứng | Hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu | Ghi chú |
|----|------------|---|---------------------------------|--------------------------------------|---------|
| TS | TT | | | | |
| | I | Vị trí việc làm thuộc nhóm lãnh đạo, quản lý | | | |
| 1 | 1 | Hiệu trưởng | Giáo viên trung học cơ sở | II | |
| 2 | 2 | Phó Hiệu trưởng | Giáo viên trung học cơ sở | II | |
| | II | VTVL thuộc nhóm hoạt động nghề nghiệp | | | |
| 3 | 1 | Giáo viên | Giáo viên trung học cơ sở | III | |
| | III | VTVL thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ | | | |
| 4 | 1 | Thư viện | Thư viện viên | IV | |
| 5 | 2 | Công nghệ thông tin | Quản trị viên hệ thống | IV | |
| 6 | 3 | Y tế | Y sĩ | IV | |

| | | | | | |
|----|----|----------------------------------|---|--|--|
| 7 | 4 | Văn thư | Văn thư trung cấp | | |
| 8 | 5 | Kế toán | Kế toán viên trung cấp | | |
| 9 | 6 | Thiết bị, thí nghiệm | Nhân viên thiết bị, thí nghiệm | | |
| 10 | 7 | Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật | Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật | | |
| 11 | 8 | Thủ quỹ | Nhân viên | | |
| 12 | 9 | Bảo vệ | HĐ lao động theo ND số 68/2000/ND-CP của Chính phủ. | | |
| 13 | 10 | Vệ sinh | | | |

2. Cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp

| TT | Tên vị trí việc làm | Chức danh nghề nghiệp tương ứng | Cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp | |
|-----------|---|---------------------------------|--|-------|
| | | | Hạng chức danh nghề nghiệp tối đa | Tỷ lệ |
| I | Vị trí việc làm thuộc nhóm lãnh đạo, quản lý | | | |
| 1 | Hiệu trưởng | Giáo viên trung học cơ sở | Giáo viên THCS hạng I | |
| 2 | Phó Hiệu trưởng | Giáo viên trung học cơ sở | Giáo viên THCS hạng I | |
| II | VTVL thuộc nhóm hoạt động nghề nghiệp | | | |
| 1 | Giáo viên | Giáo viên trung học cơ sở | I | 5% |
| | | | II | 15% |
| | | | III | 80% |